VUI HỌC TIẾNG VIỆT: et - êt - it

1. Kéo và thả từ tương ứng với hình ảnh:









lít dầu	tia sét	bọ chét	bồ kết

2. Chọn **et, êt** hay **it** vào chỗ trống:



đất s.....



r.....



v..... mỏ đỏ



v..... bầu

3. Nối câu với hình ảnh phù hợp:



Na, Thảo, Hải chơi đất sét.

Bé tết tóc cho chị hai.

Cả nhà đi chúc Tết.

Trí đi chợ mua mít.







LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS

VUI HỌC TIẾNG VIỆT: ut - ứt

1. Nối từ tương ứng với hình ảnh:






máy hút bụi | nứt nẻ | voi ma mút | rau rút

2. Chọn **ut** hay **ứt** vào chỗ trống:



m..... dừa



n..... chai



gạo l.....



b..... chì

3. Sắp xếp từ để tạo thành câu phù hợp với hình ảnh:

có | vết nứt. | Cửa sổ





mua | Thảo đi chợ | hũ mứt dâu.

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS

VUI HỌC TIẾNG VIỆT: ap - ăp - âp

1. Kéo và thả từ tương ứng với hình ảnh:









múa sạp | ngăn nắp | lắp ráp | tập thể dục

2. Chọn **ap, ăp** hay **âp** vào chỗ trống:



trái b.....



cao th.....



cá m.....



ngọn th.....

3. Kéo và thả câu phù hợp với hình ảnh:

Kệ tủ nhà em rất ngăn nắp.

Bé Mai tập thể dục.





LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS

ap ăp âp

1. ...ap, ăp, âp

múa s.ạp | l.ấp ráp | t.ập thể dục

2. Nối





xe đạp

tấp nập





cặp da

áo giáp





vấp ngã

cá mập

LIVEWORKSHEETS

BÀI : OP ÔP ƠP

1. op/ôp/ơp



h..... tổ



n.....bài



l.....học



cửa ch.....



t..... ca



ch..... núi

LIVEWORKSHEETS